

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DS-ST

Ngày: 04-12-2020

Về tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Kiến Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh T.

NHẬN THẤY:

Theo 03 đơn khởi kiện cùng ngày 11/12/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đinh Thị Thủy trình bày:

Bà có tham gia góp 03 dây hội loại 1.000.000 đồng do bà Lê Thị N làm chủ hội, việc góp hội trong 03 dây hội được thỏa thuận như sau: Loại hội 1.000.000 đồng, một tháng khai hội một lần, đến kỳ khai hội người nào bỏ thăm cao nhất thì được lĩnh hội và phải trả tiền hoa hồng cho chủ hội bằng 500.000 đồng, người hót hội được đầu thảo giao tiền hội trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày khai hội và phải trả tiền hoa hồng cho chủ hội như thỏa thuận, sau đó người hót hội phải đóng hội chết cho chủ hội theo kỳ khai hội, nếu người đã hót

hụi không đóng tiền hụi chết thì chủ hụi có nghĩa vụ choàng hụi cho họ; bà Lê Thị N có giao cho bà O3 danh sách hụi viên. Cả O3 dây hụi trên đều có 24 hụi viên, kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 06/11/2016, bà tham gia mỗi dây 01 phần (O3 dây O3 phần). Trong O3 dây hụi này bà đóng hụi sống đầy đủ 23 lần mỗi dây, đến lần thứ 24 bà hốt hụi chót cả O3 dây hụi với số tiền 23.000.000 đồng/dây, trừ tiền hoa hồng cho chủ hụi 500.000 đồng, còn lại 22.500.000 đồng/dây (O3 dây là 67.500.000 đồng). Bà yêu cầu bà N giao tiền hốt hụi cho bà trong O3 dây hụi nêu trên là 67.500.000 đồng nhiều lần nhưng cho đến nay bà N vẫn chưa giao số tiền 67.500.000 đồng cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hụi mà bà đã hốt chót trong O3 dây hụi nêu trên tổng cộng là 67.500.000 đồng, bà không không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về việc bà có tổ chức khui O3 dây hụi loại 1.000.000 đồng do bà làm chủ hụi, về thời gian khui hụi, sự thỏa thuận khi tham gia góp hụi, số phần hụi bà T tham gia, số tiền hụi sống bà T đã đóng cho bà trong mỗi dây và số tiền bà T hốt hụi chót trong O3 dây hụi nêu trên như bà T trình bày là đúng.

Sau khi bà T hốt hụi khoảng 20 ngày (bà không nhớ thời gian cụ thể) thì bà đã giao cho bà T tiền hốt hụi trong O3 dây hụi là 64.500.000 đồng, việc giao tiền hụi hai bên không có làm văn bản gì và cũng không có ai chứng kiến (lúc giao tiền bà có lập bản kê số tiền hốt hụi được trong mỗi dây hụi, nhưng không có ai ký tên và giao bản kê này cho bà T giữ). Còn lại số tiền 3.000.000 đồng do bà Tăng Thị H (trú tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh T) có thiếu bà 3.000.000 đồng, nhà bà H lại gần nhà bà T nên bà có yêu cầu bà H trả tiền cho bà T thay bà và bà cũng có yêu cầu bà T gặp bà H để lấy 3.000.000 đồng trừ tiền hụi. Nhưng sau khi bà T kiện bà thì bà có đến gặp bà H để hỏi bà H có trả tiền cho bà T chưa thì bà H nói chưa trả tiền cho bà T. Như vậy bà thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà T 3.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả tiền hụi cho bà T 3.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn có vắng mặt một số lần trong quá trình giải quyết vụ án nên ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Bà T và bà N đều thống nhất bà T có tham gia góp O3 dây hụi loại 1.000.000 đồng do bà N làm chủ hụi và thống nhất số tiền bà T đã đóng hụi sống và số tiền hốt hụi được trong O3 dây hụi là 67.500.000 đồng. Bà T cho rằng bà N chưa trả số tiền 67.500.000 đồng cho bà, còn bà N cho rằng đã trả cho bà T 64.500.000 đồng nên chỉ còn thiếu tiền hụi bà T 3.000.000 đồng. Việc bà N cho rằng đã trả tiền hụi cho bà T 64.500.000 đồng nhưng bà N không có chứng cứ nào để chứng minh việc bà đã trả tiền cho bà T nên đề nghị Hội

đồng xét chấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N phải trả số tiền nợ hui cho bà T tổng cộng bằng 67.500.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi nên không giải quyết. Buộc bà N chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các đương sự, người làm chứng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Đinh Thị T cung cấp: Đơn khởi kiện, bản tự khai, danh sách hui viên.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn bà Lê Thị N cung cấp: Bản tự khai, danh sách hui viên.

Các tình tiết các đương sự thống nhất: Bà Đinh Thị T và bà Lê Thị N thống nhất bà T có tham gia góp 03 dây hui loại 1.000.000 đồng, khai lần đầu tiên ngày 06/11/2019 do bà N làm chủ đầu thảo; bà T đã đóng hui sống 23 lần mỗi dây hui và hốt hui được số tiền 67.500.000 đồng/03 dây hui.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất: Bà Đinh Thị T cho rằng tiền hốt hui trong 03 dây hui là 67.500.000 đồng bà N chưa trả cho bà nên yêu cầu bà T phải trả số tiền 67.500.000 đồng cho bà, bà không yêu cầu tính lãi. Bà Lê Thị N cho rằng đã trả tiền hui cho bà T 64.500.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu và đồng ý trả tiền hui cho bà T 3.000.000 đồng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Nguyên đơn bà Đinh Thị T khởi kiện bị đơn bà Lê Thị N tranh chấp tiền góp hui; bị đơn bà Lê Thị N có địa chỉ tại ấp Te Te 2, xã Tân Hùng, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào quy định tại các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

[2] Nguyên đơn bà Đinh Thị T và bị đơn bà Lê Thị N đều thống nhất bà T có tham gia góp 03 dây hui loại 1.000.000 đồng, khai lần đầu tiên vào ngày 06/11/2016 do bà N làm chủ hui. Bà T và bà N đều thống nhất bà T đã đóng tiền hui sống trong 03 dây hui nêu trên mỗi dây là 23 lần, lần khai hui thứ 24 bà T được hốt hui chót trong cả 03 dây hui với tổng số tiền hốt hui là 67.500.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng cho chủ hui). Bà N cho rằng bà đã trả cho bà T số tiền hốt hui là 64.500.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu tiền hui của bà T 3.000.000 đồng nhưng bà T không thừa nhận việc bà N trả cho bà T số tiền 64.500.000 đồng nên bà N phải có nghĩa vụ chứng minh việc bà đã trả cho bà T 64.500.000 đồng theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 18/6/2020 Tòa án có ban hành Thông báo số 19/2020/TB-CCC về việc yêu cầu bà N cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà đã trả số tiền 64.500.000 đồng cho bà T (bút lục 55), nhưng hết thời hạn do Tòa án ấn định và đến hôm nay bà N vẫn không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy bà N phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp được chứng cứ, do đó xét lời trình bày

của bà N về việc đã trả tiền hốt hui cho bà T 64.500.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Theo sự thỏa thuận của bà T và bà N khi tham gia góp hui, cũng như theo quy định tại các điều 15, 27 và 29 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, bêu, phường thì chủ hui có nghĩa vụ thu phần hui của các thành viên, giao các phần hui cho thành viên được lĩnh hui, nộp thay phần hui của thành viên trong trường hợp có thỏa thuận nếu đến kỳ mở hui mà có thành viên không góp phần hui. Trong trường hợp chủ hui đã thu các phần hui của các thành viên nhưng không giao cho thành viên được lĩnh hui thì theo yêu cầu của thành viên có quyền lĩnh hui, chủ hui phải giao các phần hui đã thu được cho thành viên đó và bồi thường thiệt hại nếu có. Như vậy, bà N không giao tiền lĩnh hui cho bà T là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui nên việc bà T khởi kiện bà N yêu cầu phải giao tiền lĩnh hui cho bà T với số tiền 67.500.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận hoàn toàn. Bà T không có yêu cầu bà N trả lãi và bồi thường thiệt hại do chậm giao tiền lĩnh hui nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Đinh Thị T không phải chịu án phí.

[5] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận hoàn toàn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng các điều 357, 468 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 15, 17, 24, 27, 29 và 31 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ, về họ, hui, bêu, phường;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T;

Buộc bà Lê Thị N phải trả số tiền nợ hui cho bà Đinh Thị T tổng cộng bằng 67.500.000 (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng (trong 03 dây hui tháng, cùng loại hui 1.000.000 đồng, khai lần đầu tiên cùng ngày 06/11/2016, cùng có 24 hui viên mỗi dây).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải

thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị N phải chịu 3.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tổng cộng bằng 1.687.500 đồng theo các biên lai thu tiền số 0007551, 0007552, 0007553 cùng ngày 31/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CCTHADS huyện Tiểu Cần;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Kiến Quốc